***Ngày soạn:***

***Ngày dạy:***

**BẢNG THỐNG KÊ VÀ BIỂU ĐỒ TRANH**

**I. MỤC TIÊUPPTCD631**

**1. Về kiến thứcPPTCD631PPTCD631**

+ Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng thống kê. Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng bảng thống kê. Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến số liệu thu được ở dạng bảng thống kê.

+ Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu từ biểu đồ tranh. Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh. Nhận ra một số vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu trong biểu đồ tranh. Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở biểu đồ tranh.

**2. Về năng lực**

** Năng lực chung.**

+ Năng lực tự học. HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác. HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

** Năng lực đặc thù.**

**+ Năng lực giao tiếp toán học.** Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết.Trình bày, diễn đạt được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác. Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, kí hiệu…). Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến toánhọc.

**+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học.** Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự; quy nạp, diễn dịch. Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết trong môn Toán. Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề.

**3. Về phẩm chất:**

+ Chăm chỉ. Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

+ Trung thực. Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

+ Trách nhiệm. hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị dạy học: Máy chiếu, Tivi

- Học liệu: Phiếu bài tập.

**III. TIỀN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Hoạt động 1. Nhắc lại một số kiến thức cần nhớ**

a) Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại các kiến thức liên quan đến hình có trực đối xứng

b) Nội dung: Các kiến thức về bảng dữ liệu thống kê và biểu đồ tranh.

c) Sản phẩm: Các câu trả lời của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện: Hoạt động vấn đáp

**Câu 1.** Thế nào là bảng dữ liệu ban đầu. Để thu thập số liệu cho bảng dữ liệu ban đầu ta làm thế nào. Cho ví dụ minh hoạ trong thực tiễn.

Trả lời

**+ Bảng dữ liệu ban đầu.** Khi điều tra về một vấn đề nào đó, người ta thường thu thập dữ liệu và ghi lại trong bảng. Bảng đó được gọi là bảng dữ liệu ban đầu.

Từ bảng dữ liệu ban đầu

**+ Chú ý.** Để thu thập các dữ liệu được nhanh chóng, trong bảng dữ liệu ban đầu ta thường viết tắt các giá trị, các giá trị khác nhau phải được viết tắt khác nhau.

+ Ví dụ.

**Ví dụ 1.** Để tìm hiểu chất lượng môn toán của học sinh khối 6 của trường THCS qua kết quả kiểm tra tập trung giữa HKI, người ta có bảng thống kê điểm kiểm tra trung bình môn toán của các lớp 6 như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| Lớp | 6A1 | 6A2 | 6A3 | 6A4 | 6A5 | 6A6 | 6A7 | 6A8 | 6A9 |
| Điểm trung bình | 9,8 | 9,6 | 9,2 | 9,0 | 9,5 | 9,8 | 9,3 | 9,2 | 9,0 |

**Ví dụ 2.** Để tìm hiểu số học sinh giỏi của các lớp 6 trong HK1 ởtrường THCS, người ta điều tra và lập bảng số liệu thống kê như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| Lớp | 6A1 | 6A2 | 6A3 | 6A4 | 6A5 | 6A6 | 6A7 | 6A8 | 6A9 |
| Số học sinh giỏi | 43 | 41 | 40 | 44 | 47 | 40 | 42 | 41 | 41 |

**Câu 2.** Thế nào là một bảng thống kê. Cho ví dụ minh hoạ trong thực tiễn.

**Trả lời**

**+ Bảng thống kê:** Là một cách trình bày dữ liệu chi tiết hơn bảng dữ liệu ban đầu, bao gồm các hàng và các cột, thể hiện danh sách các đối tượng thống kê cùng với các dữ liệu của đối tượng đó.

+ Sau khi thu thập và tổ chức dữ liệu, ta cần biểu diễn dữ liệu đó ở dạng thích hợp. Nhờ việc biểu diễn các dữ liệu mà ta có thể phân tích và xử lí được các dữ liệu đó.

**Câu 3.** Thế nào là biểu đồ tranh. Nêu cách đọc biểu đồ tranh và cách vẽ biểu đồ tranh.

**Trả lời**

**+ Biểu đồ tranh.**

Biểu đồ tranh là sử dụng biểu tượng hoặc hình ảnh để thể hiện dữ liệu. Biểu đồ tranh có tính trực quan, dễ hiểu. Trong biểu đồ tranh, một biểu tượng (hoặc hình ảnh) có thể thay thế cho một số các đối tượng.

**+ Đọc biểu đồ tranh.**

Từ biểu đồ tranh ta có thể nắm bắt được các thông tin, số liệu, …. Để đọc và mô tả dữ liệu của biểu đồ tranh, trước hết ta cần xác định một biểu tượng (hoặc hình ảnh) thay thế cho bao nhiêu đối tượng. Từ số lượng các biểu tượng ta sẽ có số lượng đối tượng tương ứng.

**+ Vẽ biểu đồ tranh.**

Để biểu diễn các dữ liệu thống kê từ bảng thống kê vào biểu đồ tranh, ta thực hiện theo các bước sau

 Bước 1. Chuẩn bị:

- Chọn biểu tượng (hình ảnh) đại diện cho dữ liệu cần biểu diễn.

- Xác định mỗi biểu tượng (hình ảnh) thay thế cho bao nhiêu đối tượng.

 Bước 2. Vẽ biểu đồ tranh.

Biểu đồ tranh gồm hai cột

- Cột 1. Danh sách phân loại đối tượng thống kê.

- Cột 2. Vẽ các biểu tượng thay thế đủ cho số lượng các đối tượng

 Bước 3. Hoàn thiện biểu đồ tranh. Ghi tên biểu đồ và chú thích số lượng tương ứng với mỗi biểu tượng của biểu đồ tranh.

**2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức.**

**3. Hoạt động 3. Luyện tập**

**Hoạt động 3.1. Một số bài tập liên quan đến bảng thống kê**

a) Mục tiêu: HS xây dựng và đọc được các thông tin từ bảng thống kê.

b) Nội dung: Các bài tập liên quan đến bảng thống kê

c) Sản phẩm: HS trả lời được các yêu cầu của bài toán.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập 1**  - Yêu cầu HS quan sát bảng dữ liệu và thảo luận theo nhóm để trả lời bài tập 1.  + Gọi tên bảng dữ liệu  + Lập bảng thống kê theo mẫu  + Trả lời các yêu cầu c) và d) của bài tập  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập 1**  - HS quan sát các các bảng dữ liệu và thảo luận theo nhóm để đưa ra câu trả lời cho bài tập 1 theo các nội dung cần thảo luận  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu trả lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.  + Nhóm 1 và 2. Trả lời hai ý a) và b)  + Nhóm 3 và 4. Trả lời hai ý c) và d)  + Nhóm 5, 6, 7, 8. Theo dõi các câu trả lời và cho nhận xét.  **Bước 4. Kết luận và củng cố**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS**.**  - GV kết luận và củng cố nội dung bài tập. | **Bài 1.** Xếp loại học lực của học sinh lớp 6A được ghi lại trong bảng dữ liệu sau   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **K** | **G** | **K** | **K** | **TB** | **K** | | **G** | **K** | **K** | **G** | **K** | **TB** | | **TB** | **K** | **G** | **K** | **TB** | **TB** | | **K** | **Y** | **G** | **K** | **K** | **K** | | **K** | **G** | **K** | **TB** | **K** | **K** | | **G** | **TB** | **G** | **G** | **TB** | **G** |   (G: Giỏi; K: Khá; TB: Trung bình; Y: Yếu)  a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên.  b) Lập bảng thống kê theo mẫu   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Xếp loại | G | K | TB | Y | | Số học sinh |  |  |  |  |   c) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh.  d) Số lượng học sinh đạt từ khá trở lên là bao nhiêu.  **Lời giải**  a) Bảng cho trong bài toán là bảng dữ liệu ban đầu về xép loại học lực của các bạn học sinh lớp 6A.  b) Lập bảng thống kê theo mẫu   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Xếp loại | G | K | TB | Y | | Số học sinh | 10 | 17 | 8 | 1 |   c) Lớp 6A có số học sinh là  (học sinh)  d) Số lượng học sinh đạt từ khá trở lên là  (học sinh) |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập 2**  - Yêu cầu HS quan sát bảng dữ liệu và thảo luận theo nhóm để trả lời bài tập 2.  + Gọi tên bảng dữ liệu  + Lập bảng thống kê theo mẫu  + Trả lời các yêu cầu c) và d) của bài tập  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập 2**  - HS quan sát các các bảng dữ liệu và thảo luận theo nhóm để đưa ra câu trả lời cho bài tập 1 theo các nội dung cần thảo luận  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu trả lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.  + Nhóm 1 và 2. Trả lời hai ý a) và b)  + Nhóm 3 và 4. Trả lời hai ý c) và d)  + Nhóm 5, 6, 7, 8. Theo dõi các câu trả lời và cho nhận xét.  **Bước 4. Kết luận và củng cố**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS**.**  - GV kết luận và củng cố nội dung bài tập. | **Bài 2. Khối lượng các gói chè được ghi lại như sau (đơn vị 10 gam)**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 49 | 50 | 49 | 50 | 47 | 50 | 49 | 51 | 51 | 50 | | 48 | 49 | 49 | 50 | 50 | 49 | 50 | 51 | 52 | 52 | | 51 | 48 | 49 | 50 | 50 | 50 | 51 | 50 | 49 | 49 | | 51 | 50 | 50 | 49 | 50 | 51 | 51 | 51 | 50 | 50 | | 50 | 48 | 49 | 49 | 51 | 50 | 50 | 51 | 49 | 52 | | 52 | 52 | 49 | 50 | 50 | 49 | 49 | 51 | 51 | 52 |   a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên.  b) Lập bảng thống kê theo mẫu  c) Có bao nhiêu gói có khối lượng trên 48.  d) Trung bình các gói chè là bao nhiêu.  **Lời giải**  **a)** Bảng trên được gọi là bảng dữ liệu ban đầu về khối lượng các gói chè.  b) Lập bảng thống kê theo mẫu   |  |  | | --- | --- | | Khối lượng | Số bao | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  |   c) Số các gói chè có khối lượng trên 48 là  (gói chè)  d) Khối lượng trung bình các gói chè là |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  - Yêu cầu HS quan sát bảng dữ liệu và thảo luận theo nhóm để trả lời bài tập 3.  + Gọi tên bảng dữ liệu  + Lập bảng thống kê theo mẫu  + Trả lời các yêu cầu c) và d) của bài tập  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập 3**  - HS quan sát các các bảng dữ liệu và thảo luận theo nhóm để đưa ra câu trả lời cho bài tập 1 theo các nội dung cần thảo luận  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu trả lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.  + Nhóm 1 và 2. Trả lời hai ý a) và b)  + Nhóm 3 và 4. Trả lời hai ý c) và d)  + Nhóm 5, 6, 7, 8. Theo dõi các câu trả lời và cho nhận xét.  **Bước 4. Kết luận và củng cố**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS**.**  - GV kết luận và củng cố nội dung bài tập. | **Bài 3.** Điều tra số con trong một gia đình ở một khu vực dân cư, người ta có bảng số liệu sau đây: HSG25-   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 2 | 4 | 3 | 2 | 8 | 2 | 2 | 3 | 4 | 5 | | 2 | 2 | 5 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 3 | 5 | | 5 | 5 | 5 | 7 | 3 | 4 | 2 | 2 | 2 | 3 |   a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên.  b) Lập bảng thống kê theo mẫu  c) Có bao nhiêu gia đình có dưới 3 con.  d) Chỉ ra số các gia đinh vi phạm chính sách về kế hoạc hoá gia đình.  Lời giải  a) Bảng được cho trên là bảng dữ liệu ban đầu về “Số con của mỗi gia đình ở một khu dân cư”.  b) Lập bảng thống kê   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Số con | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 7 | 8 | | Số gia đình | 1 | 13 | 5 | 3 | 6 | 1 | 1 |   c) Số gia đình có dưới ba con là 14.  d) Số gia đình vi phạm chính sách về kế hoạch hoá gia đình là 16. |
| **Bước 1. GV giao nhiệm vụ học tập 4**  - Yêu cầu HS làm bài tập sau theo cặp (5 phút): Một xạ thủ thi bắn súng. Số điểm đạt được sau mỗi lần bắn được ghi lại ở bảng sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 8 | 9 | 10 | 9 | 9 | 10 | 8 | 7 | 9 | 8 | | 10 | 7 | 9 | 10 | 8 | 10 | 8 | 9 | 8 | 8 | | 8 | 9 | 10 | 9 | 10 | 9 | 10 | 9 | 8 | 7 |   a) Xạ thủ đã bắn bao nhiêu phát?  b) Hãy lập bảng thống kê ban đầu. Có bao nhiêu điểm số khác nhau, kể ra.  c) Nhận xét xem xạ thủ bắn bao nhiêu phát 9 điểm, bao nhiêu phát 10 điểm.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ 4**  - HS đọc đề bài và làm bài theo cặp.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: thực hiện tương tự bài tập 2 đã làm ở trên (GV làm mẫu chi tiết hơn nếu cần).  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm có lời giải khác nhau lên bảng trình bày.  - HS các nhóm quan sát, lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản biện.  **Bước 4. Kết luận và nhận định 4**  - GV khẳng định kết quả đúng, cách làm và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài 4.** Một xạ thủ thi bắn súng. Số điểm đạt được sau mỗi lần bắn được ghi lại ở bảng sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 8 | 9 | 10 | 9 | 9 | 10 | 8 | 7 | 9 | 8 | | 10 | 7 | 9 | 10 | 8 | 10 | 8 | 9 | 8 | 8 | | 8 | 9 | 10 | 9 | 10 | 9 | 10 | 9 | 8 | 7 |   a) Xạ thủ đã bắn bao nhiêu phát?  b) Hãy lập bảng thống kê ban đầu. Có bao nhiêu điểm số khác nhau, kể ra.  c) Nhận xét xem xạ thủ bắn bao nhiêu phát 9 điểm, bao nhiêu phát 10 điểm.  **Lời giải**  a) Xạ thủ đã bắn 30 phát.  b) Bảng thống kê.   |  |  | | --- | --- | | **Điểm đạt** | **Số lần đạt** | | 7 | 3 | | 8 | 9 | | 9 | 10 | | 10 | 8 |   + Có 4 điểm số khác nhau là 7; 8; 9; 10.  c) Nhận xét: Xạ thủ bắn 10 phát 9 điểm, 8 phát 10 điểm. |
| **Bước 1. GV giao nhiệm vụ học tập 5**  Để cắt khẩu hiệu " **ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI** ", hãy lập bảng thống kê các chữ cái với tần số xuất hiện của chúng.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ 5**  + HS hoạt động cá nhân lập bảng thống kê ban đầu.  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận 5**  - Cá nhân báo cáo kết quả bằng cách trình bày bảng.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4. Kết luận, nhận định 5**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Bài 5.** Để cắt khẩu hiệu " **ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI** ", hãy lập bảng thống kê các chữ cái với tần số xuất hiện của chúng. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập 6**  - Yêu cầu HS quan sát bảng dữ liệu và thảo luận theo nhóm để trả lời bài tập 6.  + Gọi tên bảng dữ liệu  + Lập bảng thống kê theo mẫu  + Trả lời các yêu cầu c) và d) của bài tập  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập 6**  - HS quan sát các các bảng dữ liệu và thảo luận theo nhóm để đưa ra câu trả lời cho bài tập 1 theo các nội dung cần thảo luận  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu trả lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.  + Nhóm 1 và 2. Trả lời hai ý a) và b)  + Nhóm 3 và 4. Trả lời hai ý c) và d)  + Nhóm 5, 6, 7, 8. Theo dõi các câu trả lời và cho nhận xét.  **Bước 4. Kết luận và củng cố**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS**.**  - GV kết luận và củng cố nội dung bài tập. | **Bài 6.** Số lỗi chính tả trong một bài tập làm văn của  học sinh được cho như sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 0 | 1 | 1 | 4 | 5 | 3 | 1 | 2 | 2 | 1 | | 1 | 2 | 2 | 7 | 3 | 1 | 4 | 1 | 4 | 5 | | 6 | 4 | 5 | 2 | 3 | 7 | 1 | 1 | 1 | 3 | | 5 | 2 | 2 | 2 | 4 | 3 | 3 | 4 | 1 | 2 | | 1 | 1 | 1 | 0 | 3 | 5 | 1 | 2 | 0 | 4 |   Hãy cho biết:  a) Bảng trên gọi là bảng gì  b) Lập bảng thống kê  c) Có bao nhiêu học sinh mắc số lỗi cao nhất.  d) Hãy nêu một số nhận xét bước đầu.  **Lời giải**  a) Bảng trên được gọi là bảng dữ liệu ban đầu về “Số lỗi chính tả của mỗi em học sinh trong một bài tập làm văn”  b) Lập bảng thống kê. ì HSG25-37   |  |  | | --- | --- | | **Số lỗi chính tả** | **Số bạn mắc** | | 0 | 3 | | 1 | 15 | | 2 | 10 | | 3 | 7 | | 4 | 7 | | 5 | 5 | | 6 | 1 | | 7 | 2 |   c) Có 2 học sinh mắc số lỗi cao nhất là 7 lỗi.  d) Hãy nêu một số nhận xét bước đầu.  + Chỉ có  em học sinh không mắc lỗi trong bài tập làm văn.  + Số em mắc  hoặc  lỗi chiếm tỷ lệ cao.  + Có 2 em học sinh mắc lỗi nhiều nhất là 7 lỗi. |

**Hoạt động 3.2. Dạng bài tập liên qua đến biểu đồ tranh**

a) Mục tiêu: HS đọc được các dữ liệu từ biểu đồ tranh và vẽ được biểu đồ thành từ bảng thống kê.

b) Nội dung: Các bài tập về biểu đồ tranh.

c) Sản phẩm: Các bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập 7**  - Yêu cầu HS quan sát biểu đồ được cho trong bài tập 7.  - Yêu cầu HS các nhóm đọc các thông tin được cho trong biểu đồ tranh.  + Liệt kê số điểm 10 trong các ngày.  + So sánh số điểm 10 đạt được của các ngày trong tuần.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát các hình vẽ và thảo luận theo nhóm để đưa ra câu trả lời các cho bài tập 9 trên phiếu học tập  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu tra lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.  + Liệt kê số điểm 10 trong các ngày.  + So sánh số điểm 10 đạt được của các ngày trong tuần.  **Bước 4. Kết luận và củng cố**  **- GV:** Yêu cầu HS nêu lại các nhận xét ban đầu từ biểu đồ tranh đã cho.  - GV kết luận và củng cố nội dung bài tập. | **Bài 7.** Hãy gọi tên loại biểu đồ trong hình dưới đây. Hãy mô tả các thông tin có trong biểu đồ.  Số điểm 10 môn Toán của học sinh lớp 6A đạt được trong một tuần   |  |  | | --- | --- | | Ngày | Số điểm 10 môn Toán | | Thứ hai |  | | Thứ ba |  | | Thứ tư |  | | Thứ năm |  | | Thứ sáu |  | | Thứ bảy |  |   Trong đó  điểm 10.  **Lời giải**  + Biểu đồ cho trong bài toán được gọi là biểu đồ tranh. Biểu đồ mô tả số điểm 10 của các học sinh lớp 6A đạt được trong một tuần.  + Mỗi biểu tượng  biểu diễn cho 1 điểm 10.  + Từ biểu đồ tranh cho ta các thông tin được ghi trong bảng dưới đây sau:   |  |  | | --- | --- | | Ngày | Số điểm 10 môn Toán | | Thứ hai | 9 | | Thứ ba | 7 | | Thứ tư | 8 | | Thứ năm | 6 | | Thứ sáu | 9 | | Thứ bảy | 13 |   Trong tuần thì ngày thứ 5 các em học sinh đạt được ít điểm 10 nhất và ngày thứ 7 các em đạt được nhiều điểm 10 nhất. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập 8**  - Yêu cầu HS quan sát biểu đồ được cho trong bài tập 8.  - Yêu cầu HS các nhóm đọc các thông tin được cho trong biểu đồ tranh.  + Liệt kê số xe máy bán được trong các quý.  + Trả lời các câu hỏi theo yêu cầu bài toán.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát các hình vẽ và thảo luận theo nhóm để đưa ra câu trả lời các cho bài tập 9 trên phiếu học tập  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu tra lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.  + Liệt kê số xe máy bán được trong các quý.  + Trả lời các câu hỏi theo yêu cầu bài toán.  **Bước 4. Kết luận và củng cố**  **- GV:** Yêu cầu HS nêu lại các nhận xét ban đầu từ biểu đồ tranh đã cho.  - GV kết luận và củng cố nội dung bài tập. | **Bài 8.** Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số xe máy bán được trong mỗi quý của một của hàng năm 2020.   |  |  | | --- | --- | | Ngày | Số xe máy bán được | | Quý I |  | | Quý II |  | | Quý III |  | | Quý IV |  |   Trong đó  xe máy.  Quan sát biểu đồ tranh và trả lời các câu hỏi sau đây  a) Trong các quý của năm 2020 thì quý nào bán được ít xe nhất và quý nào bán được nhiều xe nhất.  b) Quý I bán được nhiều hơn quý IV bao nhiêu xe.  c) Trung bình mỗi quý bán được bao nhiêu xe.  **Lời giải**  a) Trong các quý của năm 2020 thì quý bán được ít xe nhất là quý IV và quý nào bán được nhiều xe nhất là quý I.  b) Quý I bán được nhiều hơn quý IV bao nhiêu xe.  Quý I bán được  xe máy.  Quý IB bán được  xe máy.  Số xe quý I bán được nhiều hơn quý IV là  xe máy  c) Trung bình mỗi quý bán được bao nhiêu xe.  (xe máy) |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập 9**  - Yêu cầu HS quan sát biểu đồ được cho trong bài tập 9.  - Yêu cầu HS các nhóm đọc các thông tin được cho trong biểu đồ tranh.  + Liệt kê số xe máy bán được trong các quý.  + Trả lời các câu hỏi theo yêu cầu bài toán.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát các hình vẽ và thảo luận theo nhóm để đưa ra câu trả lời các cho bài tập 9 trên phiếu học tập  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu tra lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.  + Liệt kê số xe máy bán được trong các quý.  + Trả lời các câu hỏi theo yêu cầu bài toán.  **Bước 4. Kết luận và củng cố**  **- GV:** Yêu cầu HS nêu lại các nhận xét ban đầu từ biểu đồ tranh đã cho.  - GV kết luận và củng cố nội dung bài tập. | **Bài 9.** Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số loại tráu cây yêu thích của các bạn học sinh khối lớp 6.   |  |  | | --- | --- | | Ngày | Số xe máy bán được | | Táo |  | | Chuối |  | | Dưa hấu |  | | Cam |  | | Bưởi |  |   Trong đó  học sinh.  a) Lập bảng thống kê từ biểu đồ tranh đã cho.  b) Loại quả nào được nhiều học sinh yêu thích nhất.  c) Loại quả nào được ít học sinh yêu thích nhất.  **Lời giải**  a) Lập bảng thống kê từ biểu đồ tranh đã cho.   |  |  | | --- | --- | | Loại quả | Số học sinh yêu thích | | Táo | 45 | | Chuối | 35 | | Dưa hấu | 60 | | Cam | 50 | | Bưởi | 65 |   b) Loại qủa có nhiều học sinh yêu thích nhất là quả bưởi.  Loại quả ít học sinh yêu thích nhất là quả chuối. |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập 10**  - Yêu cầu HS đọc bài tập 10.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm để đưa phương án giải bải tập 10 bằng các trả lời các câu hỏi.  + Nêu lại các bước vẽ biểu đồ tranh.  + Một biểu tượng được chọn sẽ đại diện cho bao nhiêu bạn nữ. Giải thích cách chọn đó.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận để đưa ra các câu trả lời  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu tra lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.  + Nêu lại các bước vẽ biểu đồ tranh.  + Một biểu tượng được chọn sẽ đại diện cho bao nhiêu bạn nữ. Giải thích cách chọn đó.  **Bước 4. Kết luận và củng cố**  **- GV.** Yêu cầu HS nêu lại cách vẽ một biểu đồ tranh.  - GV kết luận và củng cố nội dung bài tập. | **Bài 10.** Số bạn nữ của các lớp 6 của một trường THCS được ghi lại như sau  Lớp 6A có 12 bạn nữ  Lớp 6B có 15 bạn nữ  Lớp 6C có 18 bạn nữ  Lớp 6D có 15 bạn nữ  Lớp 6E có 21 bạn nữ  Vẽ biểu đồ tranh biểu diễn số học sinh nữ của mỗi lớp.  **Lời giải**  Ta có  nên ta sẽ chọn một biểu tượng  biểu diễn cho 3 bạn nữ.  Lớp 6A có 12 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6B có 15 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6C có 18 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6D có 15 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6E có 21 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Từ đó ta có biểu đồ tranh như sau   |  |  | | --- | --- | | Lớp | Số bạn nữ | | 6A |  | | 6B |  | | 6C |  | | 6D |  | | 6E |  | |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập 11**  - Yêu cầu HS đọc bài tập 11.  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm để đưa phương án giải bải tập 11 bằng các trả lời các câu hỏi.  + Nêu lại các bước vẽ biểu đồ tranh.  + Một biểu tượng được chọn sẽ đại diện cho bao nhiêu bạn nữ. Giải thích cách chọn đó.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận để đưa ra các câu trả lời  **Bước 3. Báo cáo thảo luận.**  - Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu tra lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.  + Nêu lại các bước vẽ biểu đồ tranh.  + Một biểu tượng được chọn sẽ đại diện cho bao nhiêu bạn nữ. Giải thích cách chọn đó.  **Bước 4. Kết luận và củng cố**  **- GV.** Yêu cầu HS nêu lại cách vẽ một biểu đồ tranh.  - GV kết luận và củng cố nội dung bài tập. | **Bài 11.** Kết quả số cây trồng của các lớp khối 6 trong một trường THCS được ghi lại trong bảng dưới đây:   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 6A1 | 6A2 | 6A3 | 6A4 | 6A5 | 6A6 | 6A7 | 6A8 | | 48 | 56 | 40 | 32 | 56 | 40 | 48 | 64 |   Vẽ biểu đồ tranh biểu diễn số học sinh nữ của mỗi lớp.  **Lời giải**  Ta có  nên ta sẽ chọn một biểu tượng  biểu diễn 8 cho cây.  Lớp 6A1 có 48 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6A2 có 56 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6A3 có 40 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6A4 có 32 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6A5 có 56 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6A6 có 40 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6A7 có 48 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Lớp 6A5 có 64 bạn nữ ứng với  biểu tượng.  Từ đó ta có biểu đồ tranh như sau   |  |  | | --- | --- | | Lớp | Số bạn nữ | | 6A1 |  | | 6A2 |  | | 6A3 |  | | 6A4 |  | | 6A5 |  | | 6A6 |  | | 6A7 |  | | 6A8 |  | |

**4. Hoạt động 4. Vận dụng**

a) Mục tiêu. HS vận dụng được kiến thức về bảng thống kê và biểu đồ tranh vào các bài tập tổng hợp thực tiễn.

b) Nội dung. Các bài tập tổng hợp thực tiễn liên quan đến biểu đồ tranh

c) Sản phẩm. Bài làm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện.

**Bước 1. Giao nhiệm vụ**

- Yêu cầu HS đọc các bài tập vận dụng trong phiếu học tập và thảo luận theo nhóm để trả lời các bài tập.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận theo nhóm để đưa ra câu trả lời cho các bài tập.

**Bước 3. Báo cáo thảo luận.**

- Yêu cầu HS các nhóm trình bày câu trả lời của nhóm và các nhóm khác theo dõi để nhận xét.

**Bước 4. Kết luận và củng cố**

- GV kết luận và củng cố nội dung bài tập.

**Bài 12.** Điều tra về sự tiêu thụ điện năng (tính theo kw/h) của 20 gia đình ở một tổ dân phố, ta có kết quả sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 120 | 80 | 100 | 120 | 120 | 100 | 80 | 100 | 60 | 100 |
| 120 | 140 | 100 | 80 | 60 | 100 | 140 | 60 | 120 | 140 |

a) Bảng cho trên được gọi là gì.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số gia đình |  |  |  |  |
| Điện năng tiêu thụ |  |  |  |  |

c) Nêu một số nhận xét ban đầu.

**Bài 13.** Số vịt bác An bán được trong 6 tháng đầu năm 2021 được ghi lại trong bảng sau

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số vịt | 40 | 30 | 70 | 60 | 50 | 80 |

a) Trong 6 tháng đầu năm 2020 bác An đã bán được bao nhiêu con vịt

b) Tháng nào bác An bán được nhiều con vịt nhất và tháng nào bác bán được ít con vịt nhất.

c) Tính số vịt trung bình mỗi thàng bác An bán được

d) Vẽ biểu đồ tranh từ bảng trên

**Bài 14.** Điểm kiểm tra học kì II môn toán của 60 học sinh lớp 6 được ghi lại trong bảng sau

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 6 | 7 | 8 | 8 | 9 | 10 | 9 | 7 | 9 | 10 |
| 8 | 6 | 9 | 10 | 7 | 10 | 8 | 9 | 7 | 8 |
| 7 | 9 | 7 | 6 | 7 | 9 | 6 | 7 | 7 | 9 |
| 8 | 9 | 10 | 8 | 7 | 7 | 9 | 8 | 10 | 7 |
| 10 | 7 | 9 | 7 | 7 | 8 | 6 | 6 | 7 | 8 |
| 8 | 7 | 6 | 8 | 6 | 7 | 9 | 7 | 10 | 7 |

a) Bảng cho trên được gọi là bảng gì.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

c) Lập biểu đồ tranh theo từ các số liệu của bảng trên.

d) Điểm số nào có nhiều bạn học sinh đạt được nhiều nhất và điểm số nào có nhiều bạn học sinh đạt được ít nhất.

**Bài 15. Khảo sát** 160 học sinh lớp 6 có sở thích chơi một môn thể thao được ghi lại trong bảng sau

|  |  |
| --- | --- |
| **Môn thể thao** | **Số học sinh thích chơi** |
| Bóng đá | 35 |
| Bóng chuyền | 30 |
| Cầu lông | 20 |
| Bóng bàn | 35 |
| Bơi | 25 |
| Đá cầu | 15 |

a) Bảng cho trên được gọi là bảng gì.

b) Môn thể thao nào có nhiều học sinh thích nhất và môn thể thao nào có ít học sinh thích nhất.

c) Vẽ biểu đồ tranh từ các số liệu cho trong bảng trên.

**PHIẾU BÀI TẬP 1**

**Bài 1.** Xếp loại học lực của học sinh lớp 6A được ghi lại trong bảng dữ liệu sau

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **K** | **G** | **K** | **K** | **TB** | **K** |
| **G** | **K** | **K** | **G** | **K** | **TB** |
| **TB** | **K** | **G** | **K** | **TB** | **TB** |
| **K** | **Y** | **G** | **K** | **K** | **K** |
| **K** | **G** | **K** | **TB** | **K** | **K** |
| **G** | **TB** | **G** | **G** | **TB** | **G** |

(G: Giỏi; K: Khá; TB: Trung bình; Y: Yếu)

a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xếp loại | G | K | TB | Y |
| Số học sinh |  |  |  |  |

c) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh.

d) Số lượng học sinh đạt từ khá trở lên là bao nhiêu.

**Bài 2. Khối lượng các gói chè được ghi lại như sau (đơn vị 10 gam)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 49 | 50 | 49 | 50 | 47 | 50 | 49 | 51 | 51 | 50 |
| 48 | 49 | 49 | 50 | 50 | 49 | 50 | 51 | 52 | 52 |
| 51 | 48 | 49 | 50 | 50 | 50 | 51 | 50 | 49 | 49 |
| 51 | 50 | 50 | 49 | 50 | 51 | 51 | 51 | 50 | 50 |
| 50 | 48 | 49 | 49 | 51 | 50 | 50 | 51 | 49 | 52 |
| 52 | 52 | 49 | 50 | 50 | 49 | 49 | 51 | 51 | 52 |

a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

c) Có bao nhiêu gói có khối lượng trên 48.

d) Trung bình các gói chè là bao nhiêu.

**Bài 3.** Điều tra số con trong một gia đình ở một khu vực dân cư, người ta có bảng số liệu sau đây: HSG25-

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2 | 4 | 3 | 2 | 8 | 2 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 2 | 2 | 5 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 3 | 5 |
| 5 | 5 | 5 | 7 | 3 | 4 | 2 | 2 | 2 | 3 |

a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

c) Có bao nhiêu gia đình có dưới 3 con.

d) Chỉ ra số các gia đinh vi phạm chính sách về kế hoạc hoá gia đình.

**Bài 4.** Một xạ thủ thi bắn súng. Số điểm đạt được sau mỗi lần bắn được ghi lại ở bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 8 | 9 | 10 | 9 | 9 | 10 | 8 | 7 | 9 | 8 |
| 10 | 7 | 9 | 10 | 8 | 10 | 8 | 9 | 8 | 8 |
| 8 | 9 | 10 | 9 | 10 | 9 | 10 | 9 | 8 | 7 |

a) Xạ thủ đã bắn bao nhiêu phát?

b) Hãy lập bảng thống kê ban đầu. Có bao nhiêu điểm số khác nhau, kể ra.

c) Nhận xét xem xạ thủ bắn bao nhiêu phát 9 điểm, bao nhiêu phát 10 điểm.

**Bài 5.** Để cắt khẩu hiệu " **ĐỜI ĐỜI NHỚ ƠN CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VĨ ĐẠI** ", hãy lập bảng thống kê các chữ cái với tần số xuất hiện của chúng.

**Bài 6.** Số lỗi chính tả trong một bài tập làm văn của  học sinh được cho như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 0 | 1 | 1 | 4 | 5 | 3 | 1 | 2 | 2 | 1 |
| 1 | 2 | 2 | 7 | 3 | 1 | 4 | 1 | 4 | 5 |
| 6 | 4 | 5 | 2 | 3 | 7 | 1 | 1 | 1 | 3 |
| 5 | 2 | 2 | 2 | 4 | 3 | 3 | 4 | 1 | 2 |
| 1 | 1 | 1 | 0 | 3 | 5 | 1 | 2 | 0 | 4 |

Hãy cho biết:

a) Bảng trên gọi là bảng gì

b) Lập bảng thống kê

c) Có bao nhiêu học sinh mắc số lỗi cao nhất.

d) Hãy nêu một số nhận xét bước đầu.

**Bài 7.** Hãy gọi tên loại biểu đồ trong hình dưới đây. Hãy mô tả các thông tin có trong biểu đồ.

Số điểm 10 môn Toán của học sinh lớp 6A đạt được trong một tuần

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày | Số điểm 10 môn Toán |
| Thứ hai |  |
| Thứ ba |  |
| Thứ tư |  |
| Thứ năm |  |
| Thứ sáu |  |
| Thứ bảy |  |

Trong đó  điểm 10.

**Bài 8.** Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số xe máy bán được trong mỗi quý của một của hàng năm 2020.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày | Số xe máy bán được |
| Quý I |  |
| Quý II |  |
| Quý III |  |
| Quý IV |  |

Trong đó  xe máy.

Quan sát biểu đồ tranh và trả lời các câu hỏi sau đây

a) Trong các quý của năm 2020 thì quý nào bán được ít xe nhất và quý nào bán được nhiều xe nhất.

b) Quý I bán được nhiều hơn quý IV bao nhiêu xe.

c) Trung bình mỗi quý bán được bao nhiêu xe.

**Bài 9.** Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số loại tráu cây yêu thích của các bạn học sinh khối lớp 6.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày | Số quả bán được |
| Táo |  |
| Chuối |  |
| Dưa hấu |  |
| Cam |  |
| Bưởi |  |

Trong đó quả.

a) Lập bảng thống kê từ biểu đồ tranh đã cho.

b) Loại quả nào được nhiều học sinh yêu thích nhất.

c) Loại quả nào được ít học sinh yêu thích nhất.

**Bài 10.** Số bạn nữ của các lớp 6 của một trường THCS được ghi lại như sau: Lớp 6A có 12 bạn nữ; Lớp 6B có 15 bạn nữ; Lớp 6C có 18 bạn nữ; Lớp 6D có 15 bạn nữ; Lớp 6E có 21 bạn nữ

Vẽ biểu đồ tranh biểu diễn số học sinh nữ của mỗi lớp.

**Bài 11.** Kết quả số cây trồng của các lớp khối 6 trong một trường THCS được ghi lại trong bảng dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 6A1 | 6A2 | 6A3 | 6A4 | 6A5 | 6A6 | 6A7 | 6A8 |
| 48 | 56 | 40 | 32 | 56 | 40 | 48 | 64 |

Vẽ biểu đồ tranh biểu diễn số học sinh nữ của mỗi lớp.

**Bài 12.** Điều tra về sự tiêu thụ điện năng (tính theo kw/h) của 20 gia đình ở một tổ dân phố, ta có kết quả sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 120 | 80 | 100 | 120 | 120 | 100 | 80 | 100 | 60 | 100 |
| 120 | 140 | 100 | 80 | 60 | 100 | 140 | 60 | 120 | 140 |

a) Bảng cho trên được gọi là gì.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Số gia đình |  |  |  |  |
| Điện năng tiêu thụ |  |  |  |  |

c) Nêu một số nhận xét ban đầu.

**Bài 13.** Số vịt bác An bán được trong 6 tháng đầu năm 2021 được ghi lại trong bảng sau

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số vịt | 40 | 30 | 70 | 60 | 50 | 80 |

a) Trong 6 tháng đầu năm 2020 bác An đã bán được bao nhiêu con vịt

b) Tháng nào bác An bán được nhiều con vịt nhất và tháng nào bác bán được ít con vịt nhất.

c) Tính số vịt trung bình mỗi thàng bác An bán được

d) Vẽ biểu đồ tranh từ bảng trên

**Bài 14.** Điểm kiểm tra học kì II môn toán của 60 học sinh lớp 6 được ghi lại trong bảng sau

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 6 | 7 | 8 | 8 | 9 | 10 | 9 | 7 | 9 | 10 |
| 8 | 6 | 9 | 10 | 7 | 10 | 8 | 9 | 7 | 8 |
| 7 | 9 | 7 | 6 | 7 | 9 | 6 | 7 | 7 | 9 |
| 8 | 9 | 10 | 8 | 7 | 7 | 9 | 8 | 10 | 7 |
| 10 | 7 | 9 | 7 | 7 | 8 | 6 | 6 | 7 | 8 |
| 8 | 7 | 6 | 8 | 6 | 7 | 9 | 7 | 10 | 7 |

a) Bảng cho trên được gọi là bảng gì.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

c) Lập biểu đồ tranh theo từ các số liệu của bảng trên.

d) Điểm số nào có nhiều bạn học sinh đạt được nhiều nhất và điểm số nào có nhiều bạn học sinh đạt được ít nhất.

**Bài 15. Khảo sát** 160 học sinh lớp 6 có sở thích chơi một môn thể thao được ghi lại trong bảng sau

|  |  |
| --- | --- |
| **Môn thể thao** | **Số học sinh thích chơi** |
| Bóng đá | 35 |
| Bóng chuyền | 30 |
| Cầu lông | 20 |
| Bóng bàn | 35 |
| Bơi | 25 |
| Đá cầu | 15 |

a) Bảng cho trên được gọi là bảng gì.

b) Môn thể thao nào có nhiều học sinh thích nhất và môn thể thao nào có ít học sinh thích nhất.

c) Vẽ biểu đồ tranh từ các số liệu cho trong bảng trên.

**PHIẾU BÀI TẬP 2**

**Bài 1.** Xếp loại học lực của học sinh lớp 6A được ghi lại trong bảng dữ liệu sau

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **K** | **G** | **K** | **K** | **TB** | **K** |
| **G** | **K** | **K** | **G** | **K** | **TB** |
| **TB** | **K** | **G** | **K** | **TB** | **TB** |
| **K** | **Y** | **G** | **K** | **K** | **K** |
| **K** | **G** | **K** | **TB** | **K** | **K** |
| **G** | **TB** | **G** | **G** | **TB** | **G** |
| **G** | **K** | **G** | **K** | **K** | **Y** |

(G: Giỏi; K: Khá; TB: Trung bình; Y: Yếu)

a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Xếp loại | G | K | TB | Y |
| Số học sinh |  |  |  |  |

c) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh.

d) Số lượng học sinh đạt từ khá trở lên là bao nhiêu.

**Bài 2. Số lần nhảy dây trong 1 phút của học sinh lớp 6A được ghi lại như sau:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 49 | 50 | 49 | 50 | 47 | 50 | 49 | 51 | 51 | 50 |
| 48 | 49 | 49 | 50 | 50 | 49 | 50 | 51 | 52 | 52 |
| 51 | 48 | 49 | 50 | 50 | 50 | 51 | 50 | 49 | 49 |
| 51 | 50 | 50 | 49 | 50 | 51 | 51 | 51 | 50 | 50 |
| 50 | 48 | 49 | 49 | 51 | 50 | 50 | 51 | 49 | 52 |
| 52 | 52 | 49 | 50 | 50 | 49 | 49 | 51 | 51 | 52 |

a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

c) Có bao nhiêu bạn học sinh nhảy được trên 49 lần.

**Bài 3.** Điều tra số con trong một gia đình ở một khu vực dân cư, người ta có bảng số liệu sau đây: HSG25-

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 2 | 1 | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 |
| 2 | 2 | 3 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | 2 | 4 | 3 | 3 | 1 | 2 | 2 | 2 | 3 |

a) Hãy gọi tên bảng dữ liệu trên.

b) Lập bảng thống kê theo mẫu

c) Có bao nhiêu gia đình có dưới 3 con.

d) Chỉ ra số các gia đinh vi phạm chính sách về kế hoạc hoá gia đình.

**Bài 4.** Số lỗi chính tả trong một bài tập làm văn của 40 học sinh được cho như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 5 | 1 | 1 | 4 | 5 | 3 | 1 | 2 | 2 | 1 |
| 1 | 2 | 2 | 7 | 3 | 1 | 4 | 1 | 4 | 5 |
| 6 | 4 | 5 | 2 | 3 | 4 | 1 | 1 | 1 | 3 |
| 5 | 2 | 2 | 2 | 4 | 3 | 3 | 4 | 1 | 2 |

Hãy cho biết:

a) Bảng trên gọi là bảng gì

b) Lập bảng thống kê

c) Có bao nhiêu học sinh mắc số lỗi cao nhất.

d) Hãy nêu một số nhận xét bước đầu.

**Bài 5.** Hãy gọi tên loại biểu đồ trong hình dưới đây. Hãy mô tả các thông tin có trong biểu đồ.

Số điểm 10 môn Toán của học sinh lớp 6A đạt được trong một tuần

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày | Số điểm 10 môn Toán |
| Thứ hai |  |
| Thứ ba |  |
| Thứ tư |  |
| Thứ năm |  |
| Thứ sáu |  |
| Thứ bảy |  |

Trong đó  điểm 10.

**Bài 6.** Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số xe máy bán được trong mỗi quý của một của hàng năm 2019.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày | Số xe máy bán được |
| Quý I |  |
| Quý II |  |
| Quý III |  |
| Quý IV |  |

Trong đó  xe máy.

Quan sát biểu đồ tranh và trả lời các câu hỏi sau đây

a) Trong các quý của năm 2010 thì quý nào bán được ít xe nhất và quý nào bán được nhiều xe nhất.

b) Quý II bán được nhiều hơn quý IV bao nhiêu xe.

c) Trung bình mỗi quý bán được bao nhiêu xe.

**Bài 7.** Biểu đồ tranh dưới đây cho biết số loại tráu cây yêu thích của các bạn học sinh khối lớp 6.

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày | Số xe máy bán được |
| Táo |  |
| Chuối |  |
| Dưa hấu |  |
| Cam |  |
| Bưởi |  |

Trong đó  xe máy.

a) Lập bảng thống kê từ biểu đồ tranh đã cho.

b) Loại quả nào được nhiều học sinh yêu thích nhất.

c) Loại quả nào được ít học sinh yêu thích nhất.

**Bài 8.** Số bạn nam của các lớp 6 của một trường THCS được ghi lại như sau: Lớp 6A có 15 bạn nữ; Lớp 6B có 20 bạn nữ; Lớp 6C có 35 bạn nữ; Lớp 6D có 30 bạn nữ; Lớp 6E có 25 bạn nữ

Vẽ biểu đồ tranh biểu diễn số học sinh nữ của mỗi lớp.

**Bài 9.** Kết quả số cây trồng của các lớp khối 6 trong một trường THCS được ghi lại trong bảng dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 6A1 | 6A2 | 6A3 | 6A4 | 6A5 | 6A6 | 6A7 | 6A8 |
| 40 | 55 | 65 | 35 | 50 | 60 | 45 | 70 |

Vẽ biểu đồ tranh biểu diễn số học sinh nữ của mỗi lớp.

**Bài 10.** Số con gà bác Nam bán được trong 6 tháng cuối năm năm 2020 được ghi lại trong bảng sau

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Số vịt | 44 | 50 | 75 | 60 | 55 | 80 |

a) Trong 6 tháng cuối năm 2020 bác Nam đã bán được bao nhiêu con gà

b) Tháng nào bác Nam bán được nhiều con gà nhất và tháng nào bác bán được ít con gà nhất.

c) Tính số gà trung bình mỗi thàng bác Nam bán được

d) Vẽ biểu đồ tranh từ bảng trên

**Bài 11.** Khảo sát 100 học sinh lớp 6 có sở thích chơi một môn thể thao được ghi lại trong bảng sau

|  |  |
| --- | --- |
| **Môn thể thao** | **Số học sinh thích chơi** |
| Bóng đá | 28 |
| Bóng chuyền | 32 |
| Cầu lông | 12 |
| Bóng bàn | 8 |
| Bơi | 16 |
| Đá cầu | 4 |

a) Bảng cho trên được gọi là bảng gì.

b) Môn thể thao nào có nhiều học sinh thích nhất và môn thể thao nào có ít học sinh thích nhất.

c) Vẽ biểu đồ tranh từ các số liệu cho trong bảng trên.